

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HSST

Ngày 31/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI – TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Tống Văn Hiệp.

2, Ông Lý Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hoài Nụ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2024/HSST, ngày 18/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/QĐXXST- HS, ngày 11/12/2024, đối với bị cáo:

Lộc Văn T, sinh ngày 30/11/1992, tại Thái Nguyên;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Lộc Văn C và bà Đoàn Thị T1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/3/2018, bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố S khởi tố về tội Tàng trữ hàng cấm theo QĐ khởi tố vụ án số 30 ngày 21/3/2018 và Quyết định khởi tố bị can số 53 ngày 21/3/2018 (chưa xét xử). Ngày 10/12/2024, bị TAND huyện B, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 22/10/2018, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Q, tỉnh Hà Giang khởi tố về tội Trộm cắp tài sản theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 25 ngày 17/9/2018 và Quyết định khởi tố bị can số 29 ngày

22/10/2018 (chưa xét xử). Ngày 25/12/2024, bị TAND huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Hiện bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác – Có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:* Ông Dương Văn H, sinh năm 1952;

Trú tại: Thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn - Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Dương Văn H: Ông Dương Văn C1, sinh năm 1990;

Trú tại: Thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hà Kim C2, sinh năm 1987;

Trú tại: Thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang – Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người làm chứng:*

1, Ông Lý Văn Q, sinh năm 1989;

Trú tại: Xóm C, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2, Ông Đào Văn P, sinh năm 1976;

Trú tại: Khu B, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

3, Ông Phạm Tuấn N, sinh năm 1972;

Trú tại: Khu C, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2018, sau khi thực hiện hành vi Tàng trữ hàng cấm và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S, tỉnh Thái Nguyên điều tra, Lộc Văn T đã bỏ trốn đến thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Khoảng đầu tháng 9 năm 2018, Hà Kim C2 gọi điện cho T và rủ T cùng nhau đi thực hiện hành vi trộm cắp trâu của người dân để bán lấy tiền tiêu sài. T đồng ý và đi xe khách đến địa bàn tỉnh Phú Thọ gặp C2, cả hai bàn bạc và thống nhất C2 là người trực tiếp trộm trâu còn T là người liên hệ xe chở trâu sau khi trộm cắp được. Lộc Văn T liên hệ với ông Lý Văn Q là người lái xe tải chuyên chở hàng để thuê chở trâu. Ngày 07/9/2018, T sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 20C1-16352 của mình đi đón Hà Kim C2 từ Phú Thọ đến Thái Nguyên, cả hai tiếp tục đi theo đường B - Bắc Kạn. Khi đi đến địa phận thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì T và C2 phát hiện thấy chuồng trâu của gia đình ông Dương Văn H ở gần đường nên có thể trộm được. Lúc này,

C2 và T cùng điều khiển xe mô tô quay lại thành phố T để ăn cơm và nghỉ đến đêm sẽ quay lại thực hiện việc trộm cắp. Đến nửa đêm ngày 08/9/2018, T điều khiển xe mô tô BKS 20C1-16352 chở C2 đi đến vị trí chuồng trâu của gia đình ông Dương Văn H rồi dừng xe lại để cho C2 xuống dắt trộm trâu còn T gọi điện cho Lý Văn Q và điều khiển xe mô tô quay lại đón và chỉ đường cho Q lên chở trâu. Khi gặp Q lái xe ô tô BKS 89K-2605 trên đường thì T bảo Q dừng xe lại và đưa xe mô tô của mình lên thùng sau xe sau đó cùng ngồi lên cabin lái cùng Q để chỉ đường. Đến khu vực gần chuồng trâu nhà ông Dương Văn H thì Q thấy C2 dắt 01 con trâu từ cạnh đường ra, Q quay đầu xe dừng lại rồi xuống mở thùng xe, T dắt xe mô tô của mình xuống khỏi thùng để C2 dắt trâu lên thùng xe, sau đó T đi xe mô tô về Thái Nguyên, còn C2 ngồi trên xe ô tô cùng Lý Văn Q chở trâu về xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để gửi nhờ với ông Đào Văn P, ông P đồng ý và chỉ dẫn C2 đem trâu đến gửi ở khu ruộng nhà mẹ đẻ mình là bà Kiều Thị T2 ở khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Sau đó thông qua ông Đào Văn P, C2 đã bán con trâu trên cho anh Phạm Tuấn N. Sau đó N bán cho ông Hán Văn P1 trú tại khu C, xã G, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Lộc Văn T bỏ trốn và vượt biên sang Trung Quốc, ngày 30/8/2024, bị Bộ bắt giữ.

Kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐG ngày 30/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn kết luận: con trâu của gia đình ông Dương Văn H tại thời điểm bị C2, T chiếm đoạt có giá trị là 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng).

Với các hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số 49/CT-VKSCM, ngày 15/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Lộc Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173/BLHS.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lộc Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58/BLHS, xử phạt bị cáo Lộc Văn T từ 22 tháng đến 28 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Quá trình tranh luận: Bị cáo, bị hại không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và tính hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập: Các hành vi, quyết định tố tụng và các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 02 giờ 00 ngày 08/9/2018, Lộc Văn T cùng với Hà Kim C2 đã có hành vi trộm cắp 01 con trâu đực khoảng 02 năm tuổi của gia đình ông Dương Văn H ở thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, với mục đích bán để tiêu sài cá nhân. Thời điểm bị chiếm đoạt, con trâu trên có trị giá là 20.000.000^d (*Hai mươi triệu đồng*).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lộc Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tổng hợp các chứng cứ lại, đánh giá diễn biến khách quan của vụ án thấy việc truy tố, xét xử bị cáo Lộc Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Bị cáo Lộc Văn T có nhân thân rất xấu, năm 2018 bị Công an thành phố S, tỉnh Thái Nguyên khởi tố về tội Tàng trữ hàng cấm; Công an huyện Q, tỉnh Hà Giang khởi tố về tội Trộm cắp tài sản hiện nay chưa xét xử; ngày 10/12/2024 bị Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; ngày 25/12/2024 bị Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Bởi vậy cần phải có một mức án thật nghiêm khắc mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và cộng đồng xã hội; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “*Thành khẩn khai báo*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS.

[4] Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng và nguồn thu nhập ổn định nào, khi áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền thì không có tính khả thi, vì vậy không áp dụng đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Hà Kim C2 đã bồi thường cho bị hại ông Dương Văn H số tiền 10.000.000^d (*Mười triệu đồng*). Bản án số 07/2019/HS-ST, ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới tuyên Hà Kim C2 còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 9.000.000^d (*Chín triệu đồng*). Hiện nay ông H không yêu cầu Lộc Văn T phải bồi thường và Hà Kim C2 cũng không đề nghị Lộc Văn T có trách nhiệm liên đới bồi thường khoản tiền này cho ông H. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: Đối với con trâu của gia đình ông Dương Văn H bị Lộc Văn T và Hà Kim C2 trộm cắp, sau khi chở xuống thành phố V, C2 nhờ ông Đào Văn P bán hộ, ông P bán cho ông Phạm Tuấn N và ông N đã bán lại cho ông Hán Văn P1. Con trâu này hiện cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc xe ô tô BKS 89K-2605 ông Lý Văn Q sử dụng để chở trâu là của ông Lý Văn Q1 (là bố đẻ của Q), trú tại xóm C, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, hiện chiếc xe đã được xử lý trong một vụ án khác.

Đối với xe mô tô BKS 20C1-16352 của Lộc Văn T dùng chở C2 khi đi trộm cắp tài sản, chiếc xe đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, tỉnh Hà Giang tạm giữ để xử lý trong vụ án khác.

[7] *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với Hà Kim C2 là đồng phạm với Lộc Văn T trộm cắp con trâu của ông Dương Văn H1, nhưng C2 đã bị TAND huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 07/HSST, ngày 05/6/2019.

Đối với Lý Văn Q, là người được Lộc Văn T thuê chở trâu, Đào Văn P là người giúp C2 và T bán trâu, Phạm Tuấn N và Hán Văn P1 là những người mua trâu nhưng Q, P, N và P1 không biết đây là tài sản do Hà Kim C2 và Lộc Văn T trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý là có căn cứ, đúng quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố*: Bị cáo Lộc Văn T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50/BLHS.

+ Xử phạt bị cáo Lộc Văn T 24 (Hai tư) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

2. *Về án phí*: - Áp dụng điều 136/BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị cáo Lộc Văn T phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Về quyền kháng cáo: - Áp dụng Điều 331; Điều 333/BLTTHS.

+ Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKSND huyện;
- CQTHAHS Công an huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ, lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vi Hồng Lễ